



HAI MINH
CORPORATION

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17 Pearl Plaza – 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Q.Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: (028) 35.128.668

FAX: (028) 35.128688

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ 4 NĂM 2021

(MÃ CK: HMH)



TP.HCM, Ngày 28 tháng 01 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B01a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số dư 31/12/2021	Số dư 01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		147.259.351.771	134.278.484.978
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	81.543.655.189	65.982.834.781
1. Tiền	111		16.393.655.189	11.323.409.039
2. Các khoản tương đương tiền	112		65.150.000.000	54.659.425.742
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	23.254.939.162	12.571.237.182
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	10.715.178.175	6.842.346.771
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	12.539.760.987	5.728.890.411
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		39.232.870.713	52.582.300.895
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	14.663.425.452	17.950.808.126
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	73.782.597	1.066.340.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	15.448.937.920	17.441.715.920
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	9.046.724.744	16.123.436.849
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	1.112.973.696	791.944.505
Hàng tồn kho	141		1.112.973.696	791.944.505
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.114.913.011	2.350.167.615
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	1.283.317.424	1.219.773.923
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		585.763.509	732.973.319
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	245.832.078	397.420.373
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		125.365.265.360	132.715.524.656
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		55.000.000	55.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	55.000.000	55.000.000
II. Tài sản cố định	220		120.630.115.801	110.484.241.619
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	99.429.492.652	88.707.297.698
Nguyên giá	222		197.673.107.333	181.944.253.225
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(98.243.614.681)	(93.236.955.527)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	21.200.623.149	21.776.943.921
Nguyên giá	228		24.058.532.693	24.058.532.693
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.857.909.544)	(2.281.588.772)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		254.363.636	18.888.089.677
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	254.363.636	18.888.089.677
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.425.785.923	3.288.193.360
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	4.299.044.739	3.042.056.112
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		126.741.184	246.137.248
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		272.624.617.131	266.994.009.634

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số dư 31/12/2021	Số dư 01/01/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		35.634.708.082	30.467.954.501
I. Nợ ngắn hạn	310		35.279.580.082	30.154.826.501
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	15.430.168.154	10.378.104.558
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	1.649.096.578	2.761.563.476
3. Phải trả người lao động	314		1.905.332.016	2.052.452.990
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		305.858.725	131.812.390
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14a	14.436.154.700	14.465.601.569
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		271.279.833	-
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.281.690.076	365.291.518
II. Nợ dài hạn	330		355.128.000	313.128.000
Phải trả dài hạn khác	337	V.14b	355.128.000	313.128.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		236.989.909.049	236.526.055.133
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	236.989.909.049	236.526.055.133
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		131.998.470.000	131.998.470.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>131.998.470.000</i>	<i>131.998.470.000</i>
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.893.984.271	5.893.984.271
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(4.394.588.700)	(4.394.588.700)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.746.673.814	6.745.703.936
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		95.327.024.850	94.888.307.860
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>79.313.901.997</i>	<i>78.231.735.521</i>
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>16.013.122.853</i>	<i>16.656.572.339</i>
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.418.344.814	1.394.177.766
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		272.624.617.131	266.994.009.634

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 01 năm 2022



NGUYỄN THẾ HƯNG
 Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
 Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
 Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2021

(Có so sánh với số liệu Quý IV năm 2020)

MÃU B02a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Năm 2021	Năm 2020
			năm 2021	năm 2020		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		24.565.193.701	24.662.316.507	90.842.737.599	100.402.470.299
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	24.565.193.701	24.662.316.507	90.842.737.599	100.402.470.299
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	19.626.643.425	20.177.634.768	75.982.890.219	86.580.789.819
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.938.550.276	4.484.681.739	14.859.847.380	13.821.680.480
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.987.022.671	7.577.680.379	11.826.690.935	13.825.519.065
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	736.219.446	978.417.213	1.373.419.592	1.983.199.234
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	3.014.922	-	17.203.026
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-	-	-
9. Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	1.804.784.921	1.829.390.098	7.007.768.707	7.431.620.625
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.384.568.580	9.254.554.807	18.305.350.016	18.232.379.686
12. Thu nhập khác	31		653.248.161	43.347.237	1.090.568.942	825.161.451
13. Chi phí khác	32		37.459.104	128.942.850	105.491.693	112.848.724
14. Lợi nhuận (lỗ) khác	40	VI.6	615.789.057	(85.595.613)	985.077.249	712.312.727
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.000.357.637	9.168.959.194	19.290.427.265	18.944.692.413
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	646.512.867	1.160.693.779	3.128.521.564	2.288.272.724
17. Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		31.740.975	28.642.143	116.297.230	(40.745.052)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.322.103.795	7.979.623.272	16.045.608.471	16.697.164.741
<i>Trong đó:</i>						
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		5.286.359.288	7.968.826.500	16.013.122.853	16.656.572.339
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		35.744.507	10.796.772	32.485.618	40.592.402
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	401	605	1.122	1.167
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	401	605	1.122	1.167

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 01 năm 2022



NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Kế toán trưởng

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý IV năm 2021

(Có so sánh với số liệu quý IV năm 2020)

MẪU B 03a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		19.290.427.265	18.944.692.413
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		9.060.102.401	8.698.715.835
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(12.744.651.063)	(11.115.171.239)
- Chi phí lãi vay	06		-	20.217.948
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		15.605.878.603	16.548.454.957
- (Tăng)/ Giảm các khoản phải thu	09		15.096.879.864	(7.286.764.820)
- Tăng hàng tồn kho	10		(321.029.191)	(399.873.647)
- Tăng/ (Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		4.812.323.800	(12.516.493)
- Tăng chi phí trả trước	12		710.175.472	1.725.000.837
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(3.872.831.404)	(390.213.869)
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(20.217.948)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.048.069.381)	(1.319.589.370)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.582.087.287)	(1.646.452.297)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		26.401.240.476	7.197.827.350
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(9.464.173.189)	(20.497.406.861)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		6.491.559.870	1.751.636.361
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(21.510.870.576)	(29.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		14.700.000.000	29.000.000.000
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	5.784.016.819
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		11.785.050.727	10.279.515.505
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.001.566.832	(2.682.238.176)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(12.841.986.900)	(1.637.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(12.841.986.900)	(1.637.800)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		15.560.820.408	4.513.951.374
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		65.982.834.781	61.468.883.407
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		81.543.655.189	65.982.834.781

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 01 năm 2022



NGUYỄN THỊ HÙNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2021

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2021

MẪU B09a-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hải Minh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 ngày 24 tháng 01 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận kinh doanh thay đổi như sau:

- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 2 ngày 26 tháng 10 năm 2004, chuẩn y việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính và bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 4 ngày 07 tháng 4 năm 2006, chuẩn y cho việc tăng vốn điều lệ từ 10.000.000.000 VND lên 20.000.000.000 VND và bổ sung ngành nghề kinh doanh (Bổ sung: Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy – đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán, cho thuê tàu và thiết bị hàng hải).
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 5 ngày 03 tháng 10 năm 2006, chuẩn y cho việc tăng vốn điều lệ từ 20.000.000.000 VND lên 50.000.000.000 VND và thay đổi người đại diện theo pháp luật từ Ông Bùi Duy Ước – Chức danh: Giám đốc sang Ông Nguyễn Thành Chương – Chức danh: Giám đốc.
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 6 ngày 22 tháng 03 năm 2007, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 50.000.000.000 VND lên 100.000.000.000 VND.
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 7 ngày 10 tháng 9 năm 2007, chuẩn y việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ số 18 A Ngô Văn Năm, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh sang số 57 - 59 Hồ Tùng Mậu, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
- Giấy chứng nhận kinh doanh số 4103000801 thay đổi lần thứ 9 ngày 14 tháng 4 năm 2008, chuẩn y việc bổ sung ngành nghề kinh doanh (Bổ sung: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán thiết bị, máy móc ngành nông nghiệp).
- Giấy chứng nhận kinh doanh thay đổi lần thứ 10 ngày 21 tháng 01 năm 2010, chuẩn y việc thay đổi mã số đăng ký doanh nghiệp từ số 4103000801 sang số 0302525162 và chuẩn y thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ số 57 - 59 Hồ Tùng Mậu, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh sang Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, số 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0302525162 thay đổi lần thứ 11 ngày 17 tháng 01 năm 2012, chuẩn y việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ Tầng 4, Tòa nhà Cảng Sài Gòn, số 3 Nguyễn Tất Thành, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh sang số 01, đường Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh và thay đổi người đại diện theo pháp luật từ Ông Nguyễn Thành Chương – Chức danh: Giám đốc sang Ông Nguyễn Quốc Hùng - Chức danh: Tổng Giám đốc.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0302525162 thay đổi lần thứ 12 ngày 13 tháng 01 năm 2015, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty từ

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Ông Nguyễn Quốc Hùng - Chức danh: Tổng Giám đốc sang Ông Nguyễn Thế Hưng - Chức danh: Tổng Giám đốc.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0302525162 thay đổi lần thứ 13 ngày 20 tháng 5 năm 2016, chuẩn y việc tăng vốn điều lệ từ 100.000.000.000 VND lên 131.998.470.000 VND
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0302525162 đăng ký thay đổi lần thứ 14 chuẩn y việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ số 01, đường Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh sang tầng 17 – tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty đã được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán điều chỉnh lần 3 số 172/2010/GCNCP-VSD-3 ngày 15 tháng 1 năm 2016 với nội dung chấp nhận Công ty Cổ phần Hải Minh thay đổi số lượng cổ phiếu đang lưu hành từ 10.000.000 cổ phiếu lên 13.199.847 cổ phiếu liên quan đến việc tăng vốn điều lệ của Công ty từ 100.000.000.000 VND lên 131.998.470.000 VND.

- **Vốn điều lệ** : 131.998.470.000 VND
Số cổ phiếu : 13.199.847 cổ phiếu
Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phiếu

- **Trụ sở hoạt động**

- Địa chỉ : Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 028 35128 668
- Fax : 028 35128 688
- Mã số thuế : **0 3 0 2 5 2 5 1 6 2**

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành, nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty hiện nay là sản xuất, mua bán thiết bị chuyên dùng trong công nghiệp; Mua bán xe chuyên dùng; Sản xuất và sửa chữa container, thiết bị chuyên dùng; Sản xuất và gia công lắp ráp máy lạnh, hệ thống cơ điện lạnh; Dịch vụ cho thuê kho bãi, bốc xếp hàng hóa, dịch vụ giao nhận hàng hóa, dịch vụ vận chuyển hàng hóa đường bộ - đường sông - đường biển; Đại lý đường biển; Cho thuê thiết bị chuyên dùng trong bốc xếp, vận chuyển; Kinh doanh vận tải đa phương thức; Đại lý hàng hải; Môi giới hàng hải; Đại lý vận tải đường hàng không; Sửa chữa phương tiện vận tải đường thủy - đường biển (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Đầu tư và khai thác cảng; Xây dựng cầu cảng, bến bãi, công trình dân dụng, công nghiệp; Mua bán cho thuê tàu và thiết bị hàng hải; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Mua bán thiết bị, máy móc ngành công nghiệp.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Cấu trúc Công ty

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, cấu trúc Công ty bao gồm Công ty mẹ và 3 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Chi tiết như sau:

Công ty con

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Tiếp vận Nam Phát	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng	96,08%	96,08%	Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa
Công ty TNHH Tiếp vận Hải Minh	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng	100,00% (trong đó: 99,92% trực tiếp và 0,08% gián tiếp)	100,00%	Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa
Công ty TNHH DV Hàng hải Hải Minh	Tầng 3, Tòa nhà Hải Minh, Km105 Đường bao Nguyễn Bình Khiêm, P. Đông Hải 2, Q. Hải An, TP. Hải Phòng	100,00% (trong đó: 99,00% trực tiếp và 1,00% gián tiếp)	100,00%	Dịch vụ kho bãi và vận chuyển hàng hóa

6. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 134 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 129 người)

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm. Kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 là kỳ kế toán năm thứ 20 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu khác và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh giao dịch theo nguyên tắc sau:

- Giao dịch mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi) được hạch toán theo tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư;
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- Đối với tài sản tiền tệ (tiền mặt và các khoản phải thu): Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng và các khoản ký quỹ ngoại tệ ngân hàng, thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ hoặc ký quỹ ngoại tệ;
- Đối với các khoản phải trả tiền tệ (phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản vay): Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ (sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm) được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất.

6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản đầu tư vào công ty con, các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Lãi/ lỗ khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Mức trích lập dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực tại ngày Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý, nhượng bán, thu hồi vốn đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, căn cứ vào giá trị tài sản thu hồi được kế toán ghi giảm số vốn đã góp. Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý của khoản thu hồi được so với giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo nguyên tắc giá gốc, bao gồm giá mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư.

Cổ tức và lợi nhuận từ đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập khi khoản đầu tư bị tổn thất tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập chi tiết như sau:

- Đối với khoản đầu tư chứng khoán niêm yết, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của các loại chứng khoán mà Công ty đang nắm giữ;
- Đối với khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị chưa niêm yết, việc lập dự phòng dựa trên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định dựa trên các kỹ thuật định giá một cách đáng tin cậy;
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực tại ngày Báo cáo tài chính của đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Lãi/lỗ khi thanh lý, nhượng bán đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

7. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi cần trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về tiền bán hàng và phải thu dịch vụ cung cấp.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản phải chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại, các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tạm ứng nhân viên; các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự. Tăng, giảm số dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất. Tăng, giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

9. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc thiết bị	15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 – 15
Thiết bị văn phòng	3 – 10
Tài sản khác	5 – 10

10. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất

Giá trị quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng của lô đất/quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm tài sản cố định, chi phí liên quan trực tiếp đến việc thực hiện các dự án đầu tư xây dựng khu dịch vụ hậu cần sau cảng, chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản chưa hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng, liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện khoản trả trước chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa, chi phí công cụ, dụng cụ và các chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Các chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này như sau:

Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính từ 2 đến 3 năm.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người ủy thác.
- Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ, các khoản tiền bên nhận ủy thác của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu; các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chưa giải quyết, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,...

14. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận thuần

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ.

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

15. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính hợp nhất. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lãi tiền gửi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, mà không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

19. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
Tiền mặt	1.938.040.964	825.301.737
Tiền gửi ngân hàng	13.424.848.225	8.710.107.302
Tiền đang chuyển	1.030.766.000	1.788.000.000
Các khoản tương đương tiền (*)	<u>65.150.000.000</u>	<u>54.659.425.742</u>
Cộng	<u>81.543.655.189</u>	<u>65.982.834.781</u>

- (*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản: Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng có số tiền là 57.150.000.000 VND tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 2,8% đến 7% /năm (năm 2020: từ 4,9% đến 6,9%/năm) và 8.000.000.000 VND tiền mua trái phiếu SVACH2124001, VJCH2126001 với số lượng: 30.050 trái phiếu, mệnh giá 100.000 đồng đến 100.000.000 đồng/ trái phiếu; Lãi suất từ 7,1%/năm đến 7,4%/năm, trái phiếu được chuyển giao quyền sở hữu ban đầu sau 90 ngày kể từ ngày giao dịch.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2021

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

a) Chứng khoán kinh doanh

Chỉ tiêu

Đầu tư mua cổ phiếu

Ngân hàng TMCP Á châu

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín

Công ty Cổ phần Dệt may Đầu tư Thương mại Thành Công (TCM)

Công ty Cổ phần Vincom Retail

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội

Các Công ty khác

Cộng

	31/12/2021			01/01/2021		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Ngân hàng TMCP Á châu	-	-	-	3.610.407.500	3.610.407.500	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	-	-	-	2.498.742.500	2.498.742.500	-
Công ty Cổ phần Dệt may Đầu tư Thương mại Thành Công (TCM)	-	-	-	98.771	98.771	-
Công ty Cổ phần Vincom Retail	-	-	-	733.098.000	733.098.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	2.705.684.425	2.705.684.425	-	-	-	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	3.389.100.750	3.389.100.750	-	-	-	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	1.447.789.000	1.447.789.000	-	-	-	-
Các Công ty khác	3.172.604.000	3.172.604.000	-	-	-	-
Cộng	10.715.178.175	10.715.178.175	-	6.842.346.771	6.842.346.771	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2021

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	12.539.760.987	12.539.760.987	5.728.890.411	5.728.890.411
Cộng	12.539.760.987	12.539.760.987	5.728.890.411	5.728.890.411

Tiền gửi có kỳ hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,2% đến 4,9%/năm (năm 2020: từ 4,9% đến 7,0%).

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2021	01/01/2021
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty cổ phần tiếp vận Phước Tạo	539.425.907	766.100.000
Công ty Ô Tô Toyota Việt Nam	3.205.230.191	5.528.948.237
Các khách hàng khác	10.918.769.354	11.655.759.889
Cộng	14.663.425.452	17.950.808.126

4. Trả trước người bán

	31/12/2021	01/01/2021
Công ty CP TM và DV Hoàng Chương	-	191.840.000
Công ty TNHH xe nâng Mico Hyster	-	873.840.000
Khách hàng khác	73.782.597	660.000
Cộng	73.782.597	1.066.340.000

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Công ty CP Dịch Vụ Nhịp Cầu Địa Ốc (*)	15.448.937.920	17.441.715.920
Cộng	15.448.937.920	17.441.715.920

(*) Cho Công ty CP Dịch vụ Nhịp Cầu Địa ốc vay để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 8,5%/năm, thời hạn vay 12 tháng, theo hợp đồng ngày 21 tháng 11 Năm 2018 và gia hạn thêm đến ngày 21 tháng 11 năm 2022 kèm theo quyền mua căn hộ tại số 152 Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Phải thu khác

a) Phải thu ngắn hạn khác	9.046.724.744	16.123.436.849
BHXH, YT, TN	10.609.853	10.904.748
Tạm ứng nhân viên	423.187.598	237.558.205
Ký cược, ký quỹ	81.000.000	5.081.000.000
Công ty TNHH Nhựa Phước Thành	-	2.000.000.000
Công ty TNHH TM DV Ô tô Tây Sài Gòn	-	3.500.000.000
Lãi dự thu	163.725.960	60.493.151
Công ty cổ phần Dịch vụ Nhịp Cầu Địa Ốc	1.454.884.190	1.658.861.486
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	6.913.317.143	3.574.619.259
b) Phải thu dài hạn khác	55.000.000	55.000.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đặt cọc tiền thuê kho bãi và dịch vụ khác	55.000.000	55.000.000
Cộng	9.101.724.744	16.178.436.849

7. Hàng tồn kho

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.059.153.696	-	400.318.650	-
Công cụ, dụng cụ	53.820.000	-	144.094.000	-
Hàng hóa	-	-	247.531.855	-
Cộng	1.112.973.696	-	791.944.505	-

8. Chi phí trả trước

	01/01/2021	Phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí trong kỳ	31/12/2021
a) Chi phí trả trước ngắn hạn	1.219.773.923	5.159.346.139	5.095.802.638	1.283.317.424
b) Chi phí trả trước dài hạn	3.042.056.112	4.171.624.445	2.914.635.818	4.299.044.739
Cộng	4.261.830.035	9.330.970.584	8.010.438.456	5.582.362.163

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá						
01/01/2021	97.356.909.862	1.205.020.774	77.162.371.417	5.424.850.945	795.100.227	181.944.253.225
Tăng trong năm	12.308.952.790	-	3.370.000.000	202.320.000	4.531.875.137	20.413.147.927
Giảm trong năm	-	-	4.684.293.819	-	-	4.684.293.819
31/12/2021	109.665.862.652	1.205.020.774	75.848.077.598	5.627.170.945	5.326.975.364	197.673.107.333
Giá trị hao mòn lũy kế						
01/01/2021	35.394.016.913	349.088.760	53.561.132.357	3.432.704.719	500.012.778	93.236.955.527
Tăng trong năm	3.125.688.781	104.601.384	4.381.531.116	519.613.152	352.347.196	8.483.781.629
Giảm trong năm	-	-	3.477.122.475	-	-	3.477.122.475
31/12/2021	38.519.705.694	453.690.144	54.465.540.998	3.952.317.871	852.359.974	98.243.614.681
Giá trị còn lại						
01/01/2021	61.962.892.949	855.932.014	23.601.239.060	1.992.146.226	295.087.449	88.707.297.698
31/12/2021	71.146.156.958	751.330.630	21.382.536.600	1.674.853.074	4.474.615.390	99.429.492.652

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, một số tài sản cố định hữu hình hết thời gian khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 41.824.912.704 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 41.703.541.617 VND).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá		
01/01/2021	24.058.532.693	24.058.532.693
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
31/12/2021	24.058.532.693	24.058.532.693
Giá trị hao mòn lũy kế		
01/01/2021	2.281.588.772	2.281.588.772
Tăng trong năm	576.320.772	576.320.772
Giảm trong năm	-	-
31/12/2021	2.857.909.544	2.857.909.544
Giá trị còn lại		
01/01/2021	21.776.943.921	21.776.943.921
31/12/2021	21.200.623.149	21.200.623.149

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2021	01/01/2021
Công trình bộ trụ cầu cố định Phú Quốc	194.363.636	194.363.636
Công trình đầu tư kho – TV Nam Phát	60.000.000	13.124.581.095
Các công trình khác	-	5.569.144.946
Cộng	254.363.636	18.888.089.677

12. Phải trả người bán

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Giá trị	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công Ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn SAMUDERA SHIPPING LINE LTD.	3.007.886.318	3.007.886.318	2.669.322.419	2.669.322.419
Khách hàng khác	5.698.823.481	5.698.823.481	7.708.782.139	7.708.782.139
Cộng	15.430.168.154	15.430.168.154	10.378.104.558	10.378.104.558

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2021	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2021
Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước	379.948.627	2.526.945.847	2.697.949.517	208.944.957
Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước - Thuế phải thu	(82.662.614)	-	-	(82.662.614)
Thuế GTGT hàng bán/ dịch vụ cung cấp trong nước - Thuế phải nộp	462.611.241	2.526.945.847	2.697.949.517	291.607.571
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.921.047.097	3.356.498.985	4.048.069.381	1.229.476.701
Thuế thu nhập doanh nghiệp - Thuế phải thu	(184.020.845)	365.100.438	204.757.730	(23.678.137)
Thuế thu nhập doanh nghiệp - Thuế phải nộp	2.105.067.942	2.991.398.547	3.843.311.651	1.253.154.838
Thuế thu nhập cá nhân	(111.518.520)	915.138.861	934.460.136	(130.839.795)
Thuế thu nhập cá nhân - Thuế phải thu	(128.266.313)	28.061.457	36.143.689	(136.348.545)
Thuế thu nhập cá nhân - Thuế phải nộp	16.747.793	887.077.404	898.316.447	5.508.750
Các loại thuế khác	174.665.899	2.625.898.921	2.704.882.183	95.682.637
Thuế môn bài	-	13.000.000	13.000.000	-
Thuế đất	(2.470.601)	1.424.715.111	1.425.387.292	(3.142.782)
Thuế phải thu	(2.470.601)	660.536.111	661.208.292	(3.142.782)
Thuế phải nộp	-	764.179.000	764.179.000	-
Thuế nhà thầu	177.136.500	1.188.183.810	1.266.494.891	98.825.419
Thuế phải thu	-	-	-	-
Thuế phải nộp	177.136.500	1.188.183.810	1.266.494.891	98.825.419
Cộng	2.364.143.103	9.424.482.614	10.385.361.217	1.403.264.500
<i>Trình bày:</i>				
Thuế phải thu	397.420.373			245.832.078
Thuế phải nộp	2.761.563.476			1.649.096.578

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Phải trả khác

	<u>31/12/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
a) Phải trả ngắn hạn khác	14.436.154.700	14.465.601.569
Kinh phí công đoàn	223.539.960	118.997.560
BHXH	7.464.194	4.852.440
BHYT	3.791.420	4.320.590
BHTN	-	47.125
Cổ tức hải trả	12.879.046.965	12.873.386.865
Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	111.504.148	113.504.148
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.210.808.013	1.350.492.841
b) Phải trả dài hạn khác	355.128.000	313.128.000
Công ty CP KD - TM Song Phúc – Ký quỹ thuê văn phòng	52.000.000	-
Công ty TNHH Milensea - Ký quỹ thuê văn phòng	283.128.000	283.128.000
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	20.000.000	30.000.000
Cộng	<u>14.791.282.700</u>	<u>14.778.729.569</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư 01/01/2020	131.998.470.000	5.893.984.271	(4.394.588.700)	6.745.703.936	92.873.276.332	1.364.070.033	234.480.915.872
Tăng vốn	-	-	-	-	-	93.830.000	93.830.000
Lợi nhuận năm 2020	-	-	-	-	16.656.572.339	40.592.402	16.697.164.741
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(1.768.717.000)	-	(1.768.717.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(12.847.647.000)	(93.830.000)	(12.941.477.000)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	(25.176.811)	(10.484.669)	(35.661.480)
Số dư 31/12/2020	131.998.470.000	5.893.984.271	(4.394.588.700)	6.745.703.936	94.888.307.860	1.394.177.766	236.526.055.133
Số dư 01/01/2021	131.998.470.000	5.893.984.271	(4.394.588.700)	6.745.703.936	94.888.307.860	1.394.177.766	236.526.055.133
Lợi nhuận năm 2021	-	-	-	-	16.013.122.853	32.485.618	16.045.608.471
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(2.498.485.845)	-	(2.498.485.845)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(12.847.647.000)	-	(12.847.647.000)
Tăng khác	-	-	-	969.878	4.249.858	-	5.219.736
Giảm khác	-	-	-	-	(232.522.876)	(8.318.570)	(240.841.446)
Số dư 31/12/2021	131.998.470.000	5.893.984.271	(4.394.588.700)	6.746.673.814	95.327.024.850	1.418.344.814	236.989.909.049

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.200.000	13.200.000
Số lượng cổ phiếu đã chào bán ra công chúng	13.199.847	13.199.847
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.199.847</i>	<i>13.199.847</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	352.200	352.200
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>352.200</i>	<i>352.200</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.847.647	12.847.647
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>12.847.647</i>	<i>12.847.647</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

16. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất

Ngoại tệ các loại

	Đơn vị tính	31/12/2021	01/01/2021
Đô la Mỹ	USD	11.148,20	37.728,54

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý IV năm 2021	Quý IV năm 2020	Năm 2021	Năm 2020
Tổng doanh thu				
Dịch vụ vận tải	7.427.398.291	10.259.340.207	30.391.929.087	40.504.778.455
Dịch vụ khai thác kho bãi	11.639.903.973	8.704.874.025	39.600.209.331	37.050.310.559
Dịch vụ đại lý container	2.793.728.878	3.143.466.891	11.248.132.188	11.217.990.750
Cho thuê văn phòng	882.101.107	880.759.394	3.487.853.448	3.862.843.097
Doanh thu bán hàng hóa	1.822.061.452	1.673.875.990	6.114.613.545	7.766.547.438
Cộng	24.565.193.701	24.662.316.507	90.842.737.599	100.402.470.299

2. Giá vốn hàng bán

Dịch vụ vận tải	7.389.333.825	9.070.632.703	29.871.716.680	39.014.183.525
Dịch vụ khai thác kho bãi	8.681.712.229	7.344.476.769	32.430.448.345	31.574.253.260
Dịch vụ đại lý container	1.292.124.759	1.606.563.820	5.655.320.354	6.152.755.918
Cho thuê văn phòng	536.970.826	550.707.402	2.226.605.779	2.302.159.407
Doanh thu bán hàng hóa	1.726.501.786	1.605.254.074	5.798.799.061	7.537.437.709
Cộng	19.626.643.425	20.177.634.768	75.982.890.219	86.580.789.819

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý IV năm 2021	Quý IV năm 2020	Năm 2021	Năm 2020
Lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay vốn	1.788.645.106	2.274.556.739	5.555.380.042	6.901.305.518
Lãi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	2.682.073.465	-	3.300.573.465
Hoạt động kinh doanh chứng khoán	1.072.125.150	2.612.570.602	6.008.926.198	3.543.537.160
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	66.252.415	8.479.573	202.384.695	80.102.922
Lãi hoạt động khác	60.000.000	-	60.000.000	-
Cộng	2.987.022.671	7.577.680.379	11.826.690.935	13.825.519.065

4. Chi phí tài chính

Hoạt động kinh doanh chứng khoán	725.175.455	962.138.896	1.297.311.809	1.883.226.147
Lãi Margin	-	3.014.922	-	20.217.948
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	11.043.991	13.263.395	76.107.783	79.755.139
Cộng	736.219.446	978.417.213	1.373.419.592	1.983.199.234

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý	1.152.407.656	1.202.361.545	4.651.369.679	4.965.633.035
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	56.768.839	104.360.304	325.500.274	399.623.405
Chi phí dụng cụ quản lý	24.255.916	19.632.976	74.829.134	69.491.676
Chi phí khấu hao	74.232.087	74.232.087	296.928.348	296.928.348
Thuế phí và lệ phí	7.959.091	17.304.726	54.768.760	83.828.070
Chi phí dịch vụ mua ngoài	416.687.443	324.137.977	1.255.198.765	1.267.577.613
Chi phí bằng tiền khác	72.473.889	87.360.483	349.173.747	348.538.478
Cộng	1.804.784.921	1.829.390.098	7.007.768.707	7.431.620.625

6. Lợi nhuận khác

Thu nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	641.148.149	9.710.799	1.069.258.750	802.908.652
Thu nhập khác	12.100.012	33.636.438	21.310.192	22.252.799
Cộng	653.248.161	43.347.237	1.090.568.942	825.161.451
Phạt vi phạm hành chính	21.884.504	661.090	79.989.262	15.203.328
Chi phí khác	15.574.600	128.281.760	25.502.431	97.645.396
Cộng	37.459.104	128.942.850	105.491.693	112.848.724
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	615.789.057	(85.595.613)	985.077.249	712.312.727

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021	Năm 2020
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	19.290.427.265	18.944.692.413
Điều chỉnh lợi nhuận kế toán:	(697.721.476)	(731.923.961)
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	-	84.095.638
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	(697.721.476)	(816.019.599)
Thu nhập chịu thuế	18.592.705.789	18.212.768.452
Thuế suất áp dụng thông thường	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất áp dụng	3.718.541.215	3.642.553.690
Ưu đãi khác	(590.019.651)	(1.354.280.966)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3.128.521.564	2.288.272.724

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Riêng Công ty con là Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Hải Minh được hưởng các ưu đãi đối với dự án thực hiện trong khu kinh tế cụ thể như sau:

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong 15 năm được tính từ năm đầu tiên dự án đầu tư mới của doanh nghiệp có doanh thu và mức thuế suất áp dụng theo quy định của pháp luật Việt Nam trong các năm tiếp theo.
- Miễn thuế 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo được tính liên tục từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới; trường hợp doanh nghiệp không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư.

8. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Quý IV năm 2021	Quý IV năm 2020	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận kế toán sau thuế	5.286.359.288	7.968.826.500	16.013.122.853	16.656.572.339
Trừ: Số tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(132.158.982)	(199.220.663)	(1.601.312.285)	(1.665.657.234)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.154.200.306	7.769.605.837	14.411.810.568	14.990.915.105
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	12.847.647	12.847.647	12.847.647	12.847.647
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	401	605	1.122	1.167

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Quý IV năm 2021	Quý IV năm 2020	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.154.200.306	7.769.605.837	14.411.810.568	14.990.915.105
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	-	-	-
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	5.154.200.306	7.769.605.837	14.411.810.568	14.990.915.105
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	12.847.647	12.847.647	12.847.647	12.847.647
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-	-	-
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	12.847.647	12.847.647	12.847.647	12.847.647
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	401	605	1.122	1.167

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Quý IV năm 2021	Quý IV năm 2020	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí nguyên vật liệu vật liệu	3.393.594.135	7.237.096.420	12.449.721.196	18.266.249.643
Chi phí nhân viên	5.742.387.246	5.535.790.324	22.426.300.613	23.743.574.161
Chi phí khấu hao	2.367.203.227	2.099.724.744	9.069.016.328	8.698.715.833
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.824.646.773	6.727.782.883	38.439.626.132	41.348.699.066
Chi phí bằng tiền khác	103.596.965	406.630.495	605.994.657	1.955.171.741

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN HẢI MINH

Tầng 17, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý IV năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cộng	<u>21.431.428.346</u>	<u>22.007.024.866</u>	<u>82.990.658.926</u>	<u>94.012.410.444</u>
------	-----------------------	-----------------------	-----------------------	-----------------------

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các khoản cam kết

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong năm như sau:

Họ và tên	Chức danh	Năm nay	Năm trước
Ông Phùng Văn Quang	Chủ tịch HĐQT	791.000.000	779.000.000
Ông Nguyễn Quốc Hùng	Phó Chủ tịch HĐQT	40.000.000	320.000.000
Ông Nguyễn Văn Hà	Thành viên HĐQT	72.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Thế Quân	Thành viên HĐQT	72.000.000	60.000.000
Ông Phạm Tiến Tịnh	Thành viên HĐQT	72.000.000	60.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Trưởng BKS	48.000.000	24.000.000
Ông Triệu Đình Trung	Thành viên BKS	36.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Thế Hưng	Tổng Giám đốc	580.000.000	584.575.000
Ông Đặng Ngọc Hùng	Phó Tổng Giám đốc	466.900.000	461.075.000
Ông Trần Đoàn Viện	Phó Tổng Giám đốc	476.000.000	476.975.000
Cộng		<u>2.653.900.000</u>	<u>2.849.625.000</u>

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 01 năm 2022



NGUYỄN THẾ HƯNG
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ BÍCH DIỆU
Người lập biểu

C. P * HN/21

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất